

Số: 08/KH-MNHH

Băng ADrênh, ngày 28 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT

Năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT- BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, Trường MN Hoa Hồng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy chế công khai theo 09/2024/TT- BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2024-2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Minh bạch các thông tin có liên quan của nhà trường để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục.
- Tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

1. Thông tin chung về nhà trường

- Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của nhà trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của nhà trường (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).
- Loại hình của nhà trường, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.
- Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.
- Tổ chức bộ máy:
 - Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của nhà trường và các phân hiệu.
 - Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;
 - Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng nhà trường;
 - Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường;

- Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do nhà trường thực hiện được quy định tại Chương II của Thông tư này tính đến tháng 6 hằng năm;
- Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của nhà trường tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục kèm theo Thông tư này;
- Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên;
- Việc bố trí nội dung công khai được quy định tại điểm a, b của Điều này trên cổng thông tin điện tử do nhà trường quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.
- Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu năm học mới;
- Nhà trường phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ trẻ em, học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ trẻ em, học sinh vào tháng đầu tiên của năm học mới;
- Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian công khai

- Thực hiện công khai thêm trên cổng thông tin điện tử hoặc niêm yết tại nhà trường các thông tin: kế hoạch giáo dục tháng, trước ngày 25 của tháng trước; kế hoạch giáo dục tuần, ngày và dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần của trẻ em trước ngày thứ Bảy của tuần trước;
- Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.
- Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.
- Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, 2 của Điều này, các cơ sở giáo dục phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai theo quy định.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai tại đơn vị.

Trên đây là kế hoạch thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của Trường Mầm non Hoa Hồng trong năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- UBND huyện(B/c);
- Nhà trường (T/h);
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Trang

CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên: Trường mầm non Hoa Hồng

2. Địa chỉ trụ sở chính: Buôn K62, xã Băng ADrênh, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk

3. Công thông tin điện tử: mnhoahongkrongana.edu.vn

4. Địa chỉ Gmail: Trangnguyen101282@gmail.com

5. Loại hình của cơ sở: Công lập

6. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

- Xây dựng một đơn vị có tính kỉ luật lao động cao, biết thương yêu hỗ trợ nhau, biết được nhiệm vụ của mỗi cá nhân để tư duy, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, trung thực, khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ.

- Tạo được môi trường học tập thân thiện, có phòng học thoáng mát, rộng rãi, có nhiều đồ dùng, đồ chơi để mỗi học sinh đều có cơ hội trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng, phát triển tư duy, phát triển tính tích cực chủ động, sáng tạo, phát triển hết tài năng của mình.

7. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường Mầm non Hoa Hồng đóng trên địa bàn Buôn K62 xã Băng ADrênh, tổng diện tích của toàn xã: 4.233 ha; Gồm có 6 thôn, buôn; trong đó có 2 buôn đồng bào dân tộc tại chỗ với tổng dân cư là: 18.997, có 6 dân tộc anh em sinh sống; xã Băng ADrênh có 3 trường học đóng trên địa bàn trong đó: có 01 trường Trung học cơ sở; 01 trường Tiểu học; 01 trường Mầm non. Trường có tổng diện tích 3548m² của cả 3 phân hiệu.

Trải qua 19 năm phát triển và trưởng thành trường Mầm non Hoa Hồng luôn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, tổ chức tốt các phong trào thi đua, thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động. Xây dựng các tổ chức ngày càng vững mạnh, chăm lo phát triển đảng viên, đoàn viên Công đoàn; chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Chi bộ từ hoàn thành tốt nhiệm vụ đến trong sạch vững mạnh; trường đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; Công đoàn đạt đơn vị xuất sắc được Liên đoàn Lao động huyện khen thưởng; phong trào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đạt nhiều thành tích được Đoàn xã công nhận thành tích xuất sắc.

Việc xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2022-2027, tầm nhìn 2030 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển. Là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Xây dựng và phát triển kế hoạch chiến lược

của Trường Mầm non Hoa Hồng là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị Quyết của Đảng và chính sách của nhà nước về đổi mới giáo dục mầm non, góp phần xây dựng ngành giáo dục huyện phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hội nhập với các khu vực và thế giới.

Trường có Bà: Nguyễn Thị Trang – Bí thư chi bộ – Hiệu trưởng nhà trường

8. Tổ chức bộ máy:

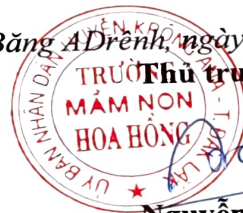
Trường Mầm non Hoa Hồng thành lập theo Quyết định số 5071/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2005 của UBND huyện Krông Ana về việc thành lập trường Mầm non Hoa Hồng; trụ sở chính của nhà trường đóng trên buôn K62, xã Băng ADrênh, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 4230/QĐ -PGD&ĐT ngày 17/9/2021 của UBND huyện Krông Ana.

Hiệu trưởng nhà trường được bổ nhiệm Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 11/11/2019.

Phó Hiệu trưởng nhà trường được bổ nhiệm Quyết định số 2770/QĐ-UBND ngày 26/8/2024.

Băng ADrênh, ngày 28 tháng 10 năm 2024



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Trang

UBND HUYỆN KRÔNG ANA
TRƯỜNG MN HOA HỒNG

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2024

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào quyết định số 4539/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Krông Ana về giao dự toán chi ngân sách năm 2024;

I. Nội dung:

1.1 Công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024:

Tổng số biên chế giao: 20 người

Tổng dự toán chi ngân sách: 3.450.604.000đ

Kinh phí thực hiện tự chủ: 2.719.371.000đ

Trong đó:

Chi thanh toán cá nhân: 2.418.133.000đ

Chi hoạt động thường xuyên: 301.238.000đ

Kinh phí thực hiện không tự chủ: 663.553.000đ

Trong đó:

Chi lao động hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP: 132.243.000đ

Hỗ trợ bảo vệ điểm lẻ: 24.000.000đ

Hỗ trợ sửa chữa sân trường (3 điểm trường):	500.000.000đ
Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81:	21.600.000đ
Chính sách phát triển giáo dục mầm non trẻ ăn trưa:	46.080.000đ

1.2 Công khai dự toán thu, chi học phí năm 2024:

DỰ TOÁN THU :

Tổng dự toán thu: 69.323.000đ. Trong đó:

- Thu học sinh nhà trẻ đóng 100%:	9.180.000đ
- Thu học sinh mẫu giáo 2 buổi đóng 100%:	59.153.000đ
- Thu học sinh mẫu giáo 2 buổi đóng 50%:	990.000đ

DỰ TOÁN CHI:

Tổng dự toán chi: 69.323.000đ. Trong đó:

- Trích nộp 2% thuế TNDN:	1.386.000đ
- Chi thực hiện cải cách tiền lương:	27.175.000đ
- Chi hoạt động và tăng cường cơ sở vật chất:	40.762.000đ

Bảng ADrên, ngày 28 tháng 10 năm 2024



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Trang

Hỗ trợ sửa chữa sân trường (3 điểm trường):	500.000.000đ
Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81:	21.600.000đ
Chính sách phát triển giáo dục mầm non trẻ ăn trưa:	46.080.000đ

1.2 Công khai dự toán thu, chi học phí năm 2024:

DỰ TOÁN THU :

Tổng dự toán thu: 69.323.000đ. Trong đó:

- Thu học sinh nhà trẻ đóng 100%:	9.180.000đ
- Thu học sinh mẫu giáo 2 buổi đóng 100%:	59.153.000đ
- Thu học sinh mẫu giáo 2 buổi đóng 50%:	990.000đ

DỰ TOÁN CHI:

Tổng dự toán chi: 69.323.000đ. Trong đó:

- Trích nộp 2% thuế TNDN:	1.386.000đ
- Chi thực hiện cải cách tiền lương:	27.175.000đ
- Chi hoạt động và tăng cường cơ sở vật chất:	40.762.000đ

Bảng ADrên, ngày 28 tháng 10 năm 2024



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Trang

Hỗ trợ sửa chữa sân trường (3 điểm trường):	500.000.000đ
Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81:	21.600.000đ
Chính sách phát triển giáo dục mầm non trẻ ăn trưa:	46.080.000đ

1.2 Công khai dự toán thu, chi học phí năm 2024:

DỰ TOÁN THU :

Tổng dự toán thu: 69.323.000đ. Trong đó:

- Thu học sinh nhà trẻ đóng 100%:	9.180.000đ
- Thu học sinh mẫu giáo 2 buổi đóng 100%:	59.153.000đ
- Thu học sinh mẫu giáo 2 buổi đóng 50%:	990.000đ

DỰ TOÁN CHI:

Tổng dự toán chi: 69.323.000đ. Trong đó:

- Trích nộp 2% thuế TNDN:	1.386.000đ
- Chi thực hiện cải cách tiền lương:	27.175.000đ
- Chi hoạt động và tăng cường cơ sở vật chất:	40.762.000đ

Bảng ADrên, ngày 28 tháng 10 năm 2024



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Trang

Hỗ trợ sửa chữa sân trường (3 điểm trường):	500.000.000đ
Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81:	21.600.000đ
Chính sách phát triển giáo dục mầm non trẻ ăn trưa:	46.080.000đ

1.2 Công khai dự toán thu, chi học phí năm 2024:

DỰ TOÁN THU :

Tổng dự toán thu: 69.323.000đ. Trong đó:

- Thu học sinh nhà trẻ đóng 100%:	9.180.000đ
- Thu học sinh mẫu giáo 2 buổi đóng 100%:	59.153.000đ
- Thu học sinh mẫu giáo 2 buổi đóng 50%:	990.000đ

DỰ TOÁN CHI:

Tổng dự toán chi: 69.323.000đ. Trong đó:

- Trích nộp 2% thuế TNDN:	1.386.000đ
- Chi thực hiện cải cách tiền lương:	27.175.000đ
- Chi hoạt động và tăng cường cơ sở vật chất:	40.762.000đ

Bảng A ~~Đính~~ *Đính*, ngày 28 tháng 10 năm 2024



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Trang

UBND HUYỆN KRÔNG ANA
TRƯỜNG MN HOA HỒNG

CÔNG KHAI

Đảm bảo chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Tốt	Tốt
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Tốt	Tốt
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Tốt	Tốt
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Tốt	Tốt

Bảng A Đính kèm ngày 28 tháng 10 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Trang

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	8	Số m²/trẻ em (1.8)
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	4	2,2m²/trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	4	1,8m²/trẻ em
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
III	Số điểm trường	3	3/3
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3548	19m²/ 1trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1200	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m²)	2000	11m²/trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m²)	115	
4	Diện tích hiên chơi (m²)	173	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)	0	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)	50	1,7 m²/trẻ em
7	Diện tích nhà bếp và kho (m²)	40	0,5 m²/trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/nhóm
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	4	04/08
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	4	04/08
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	3	Số bộ/sân chơi (trường)(3/3)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu,	7	07/08

	máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Đàn Organ (chiếc)	02	02/08
2	Tivi (chiếc)	03	03/08

		Số lượng(m²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		6		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Bảng A Dành, ngày 28 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Trang

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở
giáo dục mầm non, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổ ng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	Th S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Kh á	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	22													
I	Giáo viên	16													
1	Nhà trẻ	2			1	1			2				2		
2	Mẫu giáo	14			11	3			14			5	8		
II	Cán bộ quản lý	2													
1	Hiệu trưởng	1			1				1			1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1				1			1			
III	Nhân viên	4													
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế					1									
5	Nhân viên khác	2						2							

(Ghi chú: 1 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ)

Bảng 4.Điền ngày 28 tháng 10 năm 2024



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Trang

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI
TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG
NĂM HỌC 2023-2024

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào kết quả thực hiện quy chế công khai, dân chủ của nhà trường năm học 2023-2024. Trường mầm non Hoa Hồng báo cáo kết quả thực hiện công khai trong nhà trường cụ thể là:

1. Việc tiếp nhận và lưu trữ văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền

- Việc thực hiện công khai đã được cụ thể hóa bằng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên ban chỉ đạo, các thành viên trong toàn cơ quan theo từng chức năng nhiệm vụ của mỗi người.

- Nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch ngay đầu năm học và được công khai trước hội đồng nhà trường và CB,CC,VC, người lao động tham gia đóng góp và thực hiện có hiệu quả.

- Lãnh đạo nhà trường tổ chức thực hiện và quản lý điều hành mọi hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả.

- Các tổ chuyên môn trong nhà trường đều được nhà trường phát huy quyền làm chủ, các chủ trương, kế hoạch của chi bộ, nhà trường, của tổ chuyên môn, nội dung thi đua, các kế hoạch xây dựng, mua sắm, sửa chữa đều được thông qua các bộ phận có liên quan, thông qua Ban Thanh tra nhân dân nhà trường để tổ chức giám sát quá trình thực hiện. Tất cả văn bản chỉ đạo của cấp trên đều được công khai và CB,CC,VC, tổ chuyên môn đến trường đóng góp xây dựng trước khi tổ chức thực hiện.

- Mỗi cá nhân đều có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ngay từ đầu năm học.

- Bộ phận tài chính kế toán, thủ quỹ của nhà trường thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ, các quy định về thu chi tài chính ngân sách và các chế độ, quyền lợi của cán bộ, viên chức và người lao động.

- Bộ phận văn phòng làm tốt công tác cải cách hành chính, triệt để triển khai thông qua quy chế làm việc của cơ quan và lưu giữ các văn bản hồ sơ đúng qui định.

2. Công tác tham mưu với cấp có thẩm quyền và ban hành văn bản thực hiện:

ET NAM

Nhà trường chấp hành tốt sự chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ đúng quy định, kịp thời và nghiêm túc. Kịp thời phản ánh những vướng mắc, khó khăn của nhà trường và kiến nghị những biện pháp khắc phục đề cấp trên xem xét giải quyết. Nhà trường đảm bảo tốt mối quan hệ với chính quyền địa phương.

3. Thực hiện nội dung công khai (Theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã công khai cho CB, GV, NV, cha mẹ học sinh (hoặc người giám hộ) và học sinh biết các nội dung sau:

3.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện, kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực (*chi tiết tại biểu 01 đính kèm*).

b) Công khai chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục thực tế (*chi tiết tại biểu 02 đính kèm*).

c) Kết quả kiểm định chất lượng: Trường mầm non Hoa Hồng đã được đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

3.2. Công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

3.2.1. Cơ sở vật chất: Diện tích xây dựng phục vụ trực tiếp cho quá trình chăm sóc giáo dục trẻ (diện tích đất, diện tích phòng học, thiết bị...) (*chi tiết tại biểu 03 đính kèm*).

3.3.2. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng đội ngũ giáo viên biên chế và hợp đồng dài hạn, nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, trình độ đào tạo... (*chi tiết tại biểu 04 đính kèm*).

3.3. Công khai thu chi tài chính

3.3.1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Nhà trường đã thực hiện công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

3.3.2. Học phí và các khoản thu thỏa thuận từ người học:

Ngay từ đầu năm học nhà trường tổ chức họp phụ huynh và thông báo mức thu học phí và công khai các khoản thu, mức thu thỏa thuận sau khi đã thống nhất trong cuộc họp phụ huynh theo từng năm học và thông báo tiếp khi có sự thay đổi mới.

3.3.3. Các khoản chi theo từng năm học:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

4. Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội;

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em;

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có);

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày;

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú;

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ;

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;

g) Số trẻ em khuyết tật.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Cách thức công khai

- Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường:

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

8. Các văn bản khác của nhà trường: Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

2. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của nhà trường trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

Tiếp tục thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng vào tháng 01/2024.

Thu học phí theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 Quy định mức thu học phí năm học 2024 - 2025 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	160			25	40	48	47
1	Số trẻ em nhóm ghép	15			0	15	27	18
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0			0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	160			25	40	48	47
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	1						1
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	160			25	40	48	47
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	160			25	40	48	47
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	160			25	40	48	47
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	160			25	40	48	47
1	Số trẻ cân nặng bình thường	144			19	36	46	45
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	14			6	4	2	2
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	151			20	39	47	45
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	9			5	1	1	2
5	Số trẻ thừa cân béo phì	1			0	1	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	25			25			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	135				40	48	47
VII	Kiểm định chất lượng giáo dục	Đạt trường chuẩn QG mức độ 1 và kiểm định mức độ 2						
VIII	Kết quả phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi	Đạt chuẩn PCGDMNCTE5T						

Bảng A/Đánh giá, ngày 28 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Trang

Ngay từ đầu năm học BGH nhà trường phối hợp cùng kế toán lập dự toán các khoản chi từ học phí trích lại và các khoản chi thỏa thuận theo văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền: Chi lương hợp đồng, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong tỉnh; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý, chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

3.3.4. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội:

Nhà trường thông báo các văn bản thực hiện chính sách đối với trẻ trên bản tin của nhà trường, yêu cầu hàng năm các đối tượng chính sách nộp hồ sơ xét duyệt và niêm yết công khai kết quả xét duyệt đến tất cả các bậc phụ huynh, CBGV trong nhà trường nắm được.

Trên đây là báo cáo thực hiện quy chế công khai của trường mầm non Hoa Hồng năm học 2023-2024.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Trang